

Số: 05 /NQ-HĐND

An Phú, ngày 30 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn quyết toán ngân sách phường An Phú năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường An Phú về việc phân bổ toán thu, chi ngân sách phường An Phú năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường An Phú về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường An Phú năm 2025 và phương án phân bổ ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Phú về việc giao dự toán thu, chi ngân sách phường An Phú năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Phú về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường An Phú năm 2025;

Xét Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường An Phú về quyết toán ngân sách phường An Phú năm 2025; Báo cáo Kết quả thẩm tra số 09/BC-BKTNS ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường An Phú.

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách phường An Phú năm 2025 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 457.674 triệu đồng, đạt 330% so với dự toán (138.844 triệu đồng). Trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 258.525 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ: 39.371 triệu đồng.



- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 6.183 triệu đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 84.439 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 46.177 triệu đồng.
- Thu tiền cho thuê đất: 4.680 triệu đồng.
- Phí, lệ phí: 7.602 triệu đồng.
- Thu khác: 10.697 triệu đồng.

2. Thu, chi ngân sách địa phương

a. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: 316.752 triệu đồng. Gồm:

- Thu điều tiết ngân sách địa phương: 16.803 triệu đồng. Trong đó:
 - + Lệ phí trước bạ nhà đất: 4.163 triệu đồng;
 - + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 6.183 triệu đồng;
 - + Phí, lệ phí khác: 2.212 triệu đồng;
 - + Thu khác: 4.245 triệu đồng.
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 269.811 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn cân đối chi thường xuyên (trong đó có thu chuyển nguồn cải cách tiền lương): 26.867 triệu đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm 2024 chuyển sang năm 2025: 3.271 triệu đồng.

b. Về chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương: 301.594 triệu đồng. Gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 1.577 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 251.914 triệu đồng. Trong đó:
 - + Chi các hoạt động kinh tế: 3.853 triệu đồng;
 - + Chi bảo vệ môi trường: 1.059 triệu đồng;
 - + Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề: 166.003 triệu đồng;
 - + Chi y tế, dân số và gia đình: 5.052 triệu đồng;
 - + Chi văn hoá thông tin: 1.909 triệu đồng;
 - + Chi thể dục thể thao: 459 triệu đồng;
 - + Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn: 194 triệu đồng;
 - + Chi Quản lý nhà nước, Đảng - Đoàn thể: 46.726 triệu đồng;
 - + Chi đảm bảo xã hội: 8.535 triệu đồng.

- + Chi khoa học và công nghệ: 230 triệu đồng.
- + Chi quốc phòng: 9.319 triệu đồng.
- + Chi an ninh: 8.346 triệu đồng.
- + Chi khác: 229 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách: 3.300 triệu đồng.
- Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 1.616 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn: 43.187 triệu đồng. Trong đó:
- Chuyển nguồn kinh phí tự chủ: 11.913 triệu đồng.
- Chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương – tự chủ: 2.241 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn kinh phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin được bổ sung sau 30/9: 2.506 triệu đồng
- Chi chuyển nguồn 70% tăng thu thực hiện năm 2025 so với dự toán năm 2025 để tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2026: 4.268 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương trích lập từ 70% tăng thu còn tồn qua từng năm của 02 phường cũ trước sắp xếp để thực hiện năm 2026: 22.258 triệu đồng.

3. Kết dư ngân sách: Kết dư ngân sách phường An Phú: 15.157 triệu đồng.

(Đính kèm các biểu mẫu từ số 59 đến số 71 theo Thông tư 26/2026/TT-BTC)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân phường An Phú

- Thực hiện công khai quyết toán ngân sách năm 2025 theo quy định.
- Thực hiện các biện pháp đồng bộ để tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường An Phú, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường An Phú giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Thường trực HĐND - UBND phường;
- Văn phòng Đảng ủy phường;
- Văn phòng HĐND - UBND phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 3 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: Triệu đồng.

Phần thu	Tổng số	Thu ngân sách cấp xã	Phần chi	Tổng số	Chi ngân sách xã
1	2	3	4	5	6
Tổng số thu			Tổng số chi		
A Tổng số thu cân đối ngân sách	316.752	316.752	A Tổng số chi cân đối ngân sách	301.594	301.594
1. Các khoản thu xã thường hưởng 100%	12.641	12.641	1. Chi đầu tư phát triển	1.577	1.577
2. Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	4.163	4.163	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	-	-
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	3. Chi thường xuyên	255.214	255.214
4. Thu kết dư năm trước	3.271	3.271	4. Chi viện trợ	-	-
5. Thu chuyển nguồn năm trước sang	26.866	26.866	5. Chi vay theo quy định của Chính Phủ	-	-
6. Thu viện trợ	-	-	6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	269.811	269.811	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-	-
Trong đó: - Thu Bổ sung cân đối	215.868	215.868	8. Chi chuyển nguồn sang năm sau	43.187	43.187
- Thu Bổ sung mục tiêu	53.943	53.943	Trong đó: - Chuyển nguồn chi ngân sách năm 2025 sang năm 2026	16.661	16.661

				- Chi chuyển nguồn CCTL sang năm 2026	26.527	26.527
				9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước	-	-
				10. Chi nộp ngân sách cấp trên theo NQ 173	1.616	1.616
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	15.157	15.157				
- Bội chi = chi - thu ¹	-	-	-		-	-
B Vay của ngân sách cấp tỉnh ¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)	-	-	-	B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc) ¹	-	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh quyết toán/dự toán (%)	
		Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP
A	B	I	2	3	7	8	9
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E+F+G)	138.844	197.700	457.674	316.752	3891%	909%
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	138.844	10.706	457.674	16.803	3891%	157%
I	Thu nội địa	138.844	10.706	457.674	16.803	3891%	157%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.360		258.525		2092%	
5	Lệ phí trước bạ	14.898	2.980	39.371	4.163	264%	140%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.860	3.860	6.183	6.183	160%	160%
8	Thuế thu nhập cá nhân	42.120		84.439		200%	

9	Thuế bảo vệ môi trường						
10	Phí, lệ phí	2.020	2.020	7.602	2.212	376%	110%
11	Tiền sử dụng đất	58.380		46.177		79%	
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển	3.360		4.680		139%	
13	Thu từ cho thuê hoặc bán tài sản nhà nước						
14	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)						
16	Thu khác ngân sách	1.846	1.846	10.697	4.245	579%	230%
17	Thu sử dụng khu vực biển						
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên khác						
19	Thu từ quỹ công ích và hoa lợi công sản khác						
20	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế						
II	Thu về dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu Viện trợ						
V	Các khoản huy động, đóng góp						
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính						



B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								
I	Vay bù đắp bội chi NSDP								
II	Vay để trả nợ gốc vay								
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH			182.551		269.811		148%	
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			182.551		269.811		148%	
1.	Bổ sung cân đối			180.103		215.868		120%	
2.	Bổ sung có mục tiêu			2.448		53.943		2204%	
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên								
D	THU CHUYỂN NGUỒN			4.443		26.866		605%	
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH					3.271			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HDND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh QT/DT(%)	
		Tổng chi NSDP	Chi NS phường	Tổng chi NSDP	Chi NS phường	Tổng chi NSDP	Chi NS phường
A	B	1	2	3	6	7	8
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	197.700	197.700	299.978	299.978	264%	264%
I	Chi đầu tư phát triển	1.824	1.824	1.577	1.577	86%	86%
II	Chi trả lãi vay theo quy định						
III	Chi thường xuyên	188.342	188.342	251.914	251.914	134%	134%
2.1	Chi quốc phòng	6.111	6.111	9.319	9.319	152%	152%
2.2	Chi an ninh	6.980	6.980	8.346	8.346	120%	120%
2.2	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	129.766	129.766	166.003	166.003	128%	128%
2.3	Chi Khoa học và công nghệ			230	230		
2.4	Chi Y tế, dân số và gia đình	1.649	1.649	5.052	5.052	306%	306%
2.5	Chi Văn hóa thông tin	1.509	1.509	1.909	1.909	127%	127%
2.6	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	250	250	194	194	77%	77%
2.7	Chi Thể dục thể thao	350	350	459	459	131%	131%
2.8	Chi Bảo vệ môi trường	1.106	1.106	1.059	1.059	96%	96%
2.9	Chi các hoạt động kinh tế	3.900	3.900	3.853	3.853	99%	99%
2.10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	34.341	34.341	46.726	46.726	136%	136%
2.11	Chi Bảo đảm xã hội	2.208	2.208	8.535	8.535	387%	387%
2.12	Chi khác	173	173	229	229	133%	133%

IV	Dự phòng ngân sách	7.534	7.534	3.300	3.300	43,8%	43,8%
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
VI	Chi viện trợ						
VII	Chi trả lãi vay theo quy định của Chính Phủ						
VIII	Chi chuyển nguồn			43.187	43.187		
	Chuyển nguồn chi ngân sách năm 2025 sang năm 2026			16.661	16.661		
	Chi chuyển nguồn CCTL sang năm 2026			26.527	26.527		
IX	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước						
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI						
1	Bổ sung cân đối						
2	Bổ sung có mục tiêu						
	Tr. đó: - Bảng nguồn vốn trong nước						
	- Bảng nguồn vốn ngoài nước						
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			1.616	1.616		
	TỔNG SỐ (A+B+C)	197.700	197.700	301.594	301.594	264%	264%

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Mục	Tiểu mục	NSNN	NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
Cấp I	124	1600	1603					82.651.922
Cấp I	151	1600	1602					4.500.130
Cấp I	151	1600	1603					692.231.287
Cấp I	151	2800	2801					258.140.363
Cấp II	416	1600	1602					298.135.539
Cấp II	416	1600	1603					3.511.103
Cấp II	551	1600	1603					9.146.719
Cấp II	552	1600	1603					102.835.512
Cấp II	554	1600	1602					31.009.519
Cấp II	554	1600	1603					337.309.334
Cấp II	555	1600	1602					27.484.959
Cấp II	555	1600	1603					106.387.487
Cấp II	555	2800	2801					2.441.000
Cấp II	557	1600	1602					63.165.305
Cấp II	557	1600	1603					15.358.646
Cấp II	557	2800	2801					652.800
Cấp II	558	1600	1603					72.153.359
Cấp III	754	1600	1602					8.251.920
Cấp III	754	1600	1603					358.285.571
Cấp III	754	2800	2801					66.302.389
Cấp III	755	1600	1603					129.141.985
Cấp III	757	1600	1601					465.586

Cấp III	757	1600	1602						689.212.840
Cấp III	757	1600	1603						14.552.095
Cấp III	757	2800	2801						1.891.608.328
Cấp III	757	2850	2862						190.140.000
Cấp III	757	2850	2863						160.240.000
Cấp III	757	2850	2864						428.373.546
Cấp IV	805	2600	2633						1.600.000
Cấp IV	805	2700	2716						577.124.630
Cấp IV	805	2750	2771						26.162.557
Cấp IV	805	4250	4252						30.975.000
Cấp IV	805	4250	4261						7.750.000
Cấp IV	805	4250	4263						60.325.000
Cấp IV	805	4250	4278						220.775.000
Cấp IV	809	4250	4263						1.000.000
Cấp IV	830	2700	2716						294.718.004
Cấp IV	830	2750	2771						42.123.000
Cấp IV	830	2800	2815						2.910.000
Cấp IV	830	4250	4252						4.014.000
Cấp IV	830	4250	4261						100.000.000
Cấp IV	830	4250	4263						19.000.000
Cấp IV	830	4250	4267						18.340.000
Cấp IV	830	4250	4278						1.178.920.942
Cấp IV	831	2600	2618						121.323.203
Cấp IV	831	2600	2622						4.005.228
Cấp IV	831	2800	2815						150.000
Cấp IV	854	1600	1602						108.568.356
Cấp IV	854	1600	1603						20.252.737
Cấp IV	854	2800	2801						192.359.726
Cấp IV	854	4250	4299						86.901
Cấp IV	854	4900	4944						1.985.655.927
Cấp IV	854	4900	4949						3.000.000

[illegible]

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu Mục	QUYẾT TOÁN
1		KHÔNG PHÁT SINH					



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐĂNG, ĐÀNG, ĐOÀN THỂ NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HDND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp Phường	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
	Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán	-	-	-	63.572	
1	Do chính sách thay đổi					
	- Phụ cấp đặc biệt					
	- Phụ cấp khu vực					
2	Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					
3	Tăng, giảm biên chế so với dự toán		-		-	-
	- Số biên chế tăng, giảm					
	- Số kinh phí tăng, giảm					
4	Mua sắm tài sản	-		-	-	
	Trong đó: - Số ô tô	-				
	- Số kinh phí	-				
5	Sửa chữa trụ sở	-	-	-	-	

	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp Phường	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
5.1	Kinh phí sửa chữa trụ sở Văn phòng Đảng ủy phường	-				
5.2	Kinh phí sửa chữa Trụ sở Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường	-				
6	Khác	-	-	-	63.572	
2.1	Bổ sung chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề để chi dạy thêm giờ cho giáo viên, dự toán chưa được bố trí sau sáp nhập từ cấp huyện chuyển về, chi Nghị quyết 30/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết 40/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết 41/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố, Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố				36.237	
2.2	Bổ sung chi y tế, dân số và gia đình do thực hiện Nghị quyết 33/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố và chi mua BHYT cho các đối tượng cấp huyện chuyển về				3.403	
2.3	Bổ sung chi văn hóa thông tin do phát sinh thêm kinh phí tuyên truyền, tổ chức các hoạt động theo đề án văn hoá, văn minh đô thị và các ngày lễ lớn trong năm				400	
2.4	Bổ sung chi thể dục thể thao do thực hiện tổ chức Đại hội thể dục thể thao phường An Phú năm 2025-2030				109	
2.5	Bổ sung kinh phí thực hiện tặng quà 2/9				4.058	
2.6	Bổ sung kinh phí thực hiện tặng quà tết Bính Ngọ cho các đối tượng chính sách xã hội				319	
2.7	Bổ sung kinh phí thực hiện thăm, tặng quà nhân kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ				341	



	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp Phường	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
2.8	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố				203	
2.9	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố				875	
2.10	Bổ sung kinh phí các hoạt động chuyên môn khác trong lĩnh vực bảo đảm xã hội				530	
2.11	Bổ sung kinh phí chi khoa học và công nghệ thực hiện mua sắm trang thiết bị thông tin				230	
2.12	Bổ sung kinh phí chi 178				5.352	
2.13	Bổ sung kinh phí tăng hoạt động khoán				474	
2.14	Bổ sung kinh phí tính gián biên chế theo Nghị định 154				264	
2.15	Bổ sung kinh phí chi Nghị quyết 07				96	
2.16	Bổ sung kinh phí chi Đại hội Đảng bộ phường				659	
2.17	Bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin				2.506	
2.18	Bổ sung kinh phí tổ chức Đại hội Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường, kinh phí tăng lương cho biên chế cấp huyện chuyển về, kinh phí hoạt động QLNN và chuyên môn khác trên địa bàn				3.034	

	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp Phường	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
2.19	Bổ sung kinh phí chi quốc phòng do thực hiện tuyển thêm lực lượng dân quân thường trực theo Hướng dẫn 1190/HD-BTL của Bộ Tư lệnh Thành phố và đảm bảo kinh phí để tiếp nhận Trung đội Dân quân thường trực khu công nghiệp VSIP 1. Kinh phí thực hiện khám nghĩa vụ Quân sự năm 2026. Bổ sung kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố				3.208	
2.20	Bổ sung kinh phí chi An Ninh do đề đảm bảo chi trả chế độ, chính sách cho lực lượng an ninh cơ sở được tăng thêm theo Nghị quyết 54/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố. Bổ sung kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho Tổ nhân dân tự quản theo Nghị quyết 11/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương				1.366	
2.21	Bổ sung kinh phí chi khác để đảm bảo chi tiền điện cho hộ nghèo, cận nghèo				57	
2.22	Giảm chi hoạt động kinh tế				(47)	
2.23	Giảm chi hoạt động bảo vệ môi trường				(46)	
2.24	Giảm chi phát thanh, truyền hình thông tấn				(56)	



	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp Phường	
A	B	$1=2+3+4$	2	3	4	5



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH
CHI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2025
(Đính kèm Nghị quyết số **05** /NQ-HDND ngày **30** tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)
Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số	Trong đó		
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
A	B	1	2	3	4
1					
	KHÔNG PHÁT SINH				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG

NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỜNG VƯỢT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thường vượt dự toán thu	
A	B	1	2	3	4	5
A	Tổng nguồn	7.534	7.534			
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP	3.300	3.300			
I	Chi đầu tư XDCB	-				
II	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có theo phân cấp)	-				
III	Chi thường xuyên	3.300	3.300			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-				
	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	-				
	Chi Quốc phòng	-				
	Chi y tế, dân số và gia đình	-				
	Chi văn hóa thông tin	-				
	Chi thể dục thể thao	-				
	Chi các hoạt động kinh tế	-				
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.300	3.300			
	Chi khoa học công nghệ	-				
	Chi bảo đảm xã hội	-				
	Chi viện trợ	-				

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thường vượt dự toán thu	
A	B	1	2	3	4	5
	Chi khác	-				
C	Số tồn dự phòng sau khi phân bổ (A-B)	4.234	4.234			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: triệu đồng									
STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm 2025		Số tồn tại chưa xử lý năm 2025		Ghi chú	
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán		
1									
	Không phát sinh								

Đơn vị: triệu đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU NĂM 2026
(Đính kèm Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm trước (năm liền kề)	Năm báo cáo 2025	Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
				Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	I	2	3 = 2 - I	4 = 2/I	5
TỔNG CỘNG						
1	Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn từ năm nay sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công	-	43.187.183.424	-		
2	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội		26.526.632.394			
3	Kinh phí thực hiện giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước		14.154.287.570			
4	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9		2.506.263.460			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	SO SÁNH (%)
A	B	I	2	5
	TỔNG SỐ	3.639.000.000	6.103.760.293	168%
	Các đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
1	Trường Mầm non Hoa Mai 5	165.000.000	375.840.000	228%
2	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	142.000.000	307.800.000	217%
3	Trường Tiểu học An Phú 1	226.000.000	197.718.750	87%
4	Trường Tiểu học An Phú 2	280.000.000	236.433.125	84%
5	Trường Tiểu học An Phú 3	290.000.000	251.500.000	87%
6	Trường Tiểu học Tuy An	495.000.000	428.247.168	87%
7	Trường Tiểu học Lê Thị Trung	191.000.000	166.481.250	87%
8	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	1.850.000.000	4.139.740.000	224%



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VAY, TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 3 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

STT	Chỉ tiêu	Dự toán trung ương giao				Dự toán địa phương				Quyết toán				So sánh quyết toán	
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Dự toán trung ương giao (%)	Dự toán địa phương quyết định (%)		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				
A	B			1			2				2			2	
1	Dư nợ vay đầu năm (cuối năm trước)						-					-			-
2	Tổng số vay trong năm														
3	Chi trả nợ gốc trong năm														
4=1+2+3	Dư nợ vay cuối năm														
KHÔNG PHÁT SINH															



Biểu số 63 - Thông tư 26/2026/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025

(Đính kèm Nghị quyết số 05 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Cấp IV						258.406.988.799
Cấp IV	800					258.406.988.799
Cấp IV	800	010				9.324.157.624
Cấp IV	800	010	011			9.324.157.624
Cấp IV	800	010	011	6000		154.332.477
Cấp IV	800	010	011	6000	6001	154.332.477
Cấp IV	800	010	011	6100		70.790.388
Cấp IV	800	010	011	6100	6115	5.624.238
Cấp IV	800	010	011	6100	6116	38.437.500
Cấp IV	800	010	011	6100	6124	26.728.650
Cấp IV	800	010	011	6200		8.699.983
Cấp IV	800	010	011	6200	6201	8.699.983
Cấp IV	800	010	011	6300		387.708.020
Cấp IV	800	010	011	6300	6301	334.624.717
Cấp IV	800	010	011	6300	6302	44.302.453
Cấp IV	800	010	011	6300	6303	1.684.800
Cấp IV	800	010	011	6300	6349	7.096.050
Cấp IV	800	010	011	6350		167.633.842
Cấp IV	800	010	011	6350	6353	90.238.342
Cấp IV	800	010	011	6350	6399	77.395.500
Cấp IV	800	010	011	6400		236.537.700
Cấp IV	800	010	011	6400	6401	17.810.000
Cấp IV	800	010	011	6400	6404	49.300.000
Cấp IV	800	010	011	6400	6449	169.427.700
Cấp IV	800	010	011	6500		62.740.020
Cấp IV	800	010	011	6500	6501	62.595.120
Cấp IV	800	010	011	6500	6502	144.900
Cấp IV	800	010	011	6550		17.412.720
Cấp IV	800	010	011	6550	6551	14.504.720
Cấp IV	800	010	011	6550	6552	2.800.000
Cấp IV	800	010	011	6550	6599	108.000
Cấp IV	800	010	011	6600		739.000
Cấp IV	800	010	011	6600	6601	134.200
Cấp IV	800	010	011	6600	6606	604.800



Cấp IV	800	010	011	6650		226.936.800
Cấp IV	800	010	011	6650	6699	226.936.800
Cấp IV	800	010	011	6750		83.361.992
Cấp IV	800	010	011	6750	6751	56.480.000
Cấp IV	800	010	011	6750	6754	6.131.992
Cấp IV	800	010	011	6750	6799	20.750.000
Cấp IV	800	010	011	7000		7.902.549.682
Cấp IV	800	010	011	7000	7001	49.788.000
Cấp IV	800	010	011	7000	7004	5.879.994
Cấp IV	800	010	011	7000	7049	7.846.881.688
Cấp IV	800	010	011	9400		4.715.000
Cấp IV	800	010	011	9400	9449	4.715.000
Cấp IV	800	040				8.346.294.126
Cấp IV	800	040	041			8.346.294.126
Cấp IV	800	040	041	6300		309.900.000
Cấp IV	800	040	041	6300	6301	237.567.000
Cấp IV	800	040	041	6300	6302	72.333.000
Cấp IV	800	040	041	6500		111.634.166
Cấp IV	800	040	041	6500	6501	59.987.856
Cấp IV	800	040	041	6500	6502	14.092.560
Cấp IV	800	040	041	6500	6503	37.553.750
Cấp IV	800	040	041	6550		11.039.534
Cấp IV	800	040	041	6550	6551	11.039.534
Cấp IV	800	040	041	6600		10.240.000
Cấp IV	800	040	041	6600	6606	10.240.000
Cấp IV	800	040	041	6650		5.600.000
Cấp IV	800	040	041	6650	6657	600.000
Cấp IV	800	040	041	6650	6699	5.000.000
Cấp IV	800	040	041	6750		5.240.000
Cấp IV	800	040	041	6750	6751	3.240.000
Cấp IV	800	040	041	6750	6799	2.000.000
Cấp IV	800	040	041	6900		22.847.810
Cấp IV	800	040	041	6900	6901	4.649.400
Cấp IV	800	040	041	6900	6903	1.519.000
Cấp IV	800	040	041	6900	6905	16.679.410
Cấp IV	800	040	041	7000		7.869.792.616
Cấp IV	800	040	041	7000	7004	67.005.316
Cấp IV	800	040	041	7000	7049	7.802.787.300
Cấp IV	800	070				166.002.567.646
Cấp IV	800	070	071			29.042.556.832
Cấp IV	800	070	071	6000		5.247.740.832
Cấp IV	800	070	071	6000	6001	5.247.740.832

Cấp IV	800	070	071	6050		2.546.102.000
Cấp IV	800	070	071	6050	6051	2.546.102.000
Cấp IV	800	070	071	6100		3.150.345.027
Cấp IV	800	070	071	6100	6101	139.347.000
Cấp IV	800	070	071	6100	6105	353.748.033
Cấp IV	800	070	071	6100	6112	1.822.992.825
Cấp IV	800	070	071	6100	6113	5.382.000
Cấp IV	800	070	071	6100	6115	828.875.169
Cấp IV	800	070	071	6150		9.306.000
Cấp IV	800	070	071	6150	6157	7.200.000
Cấp IV	800	070	071	6150	6199	2.106.000
Cấp IV	800	070	071	6200		530.300.000
Cấp IV	800	070	071	6200	6201	530.300.000
Cấp IV	800	070	071	6250		1.242.000
Cấp IV	800	070	071	6250	6299	1.242.000
Cấp IV	800	070	071	6300		1.868.914.901
Cấp IV	800	070	071	6300	6301	1.388.219.842
Cấp IV	800	070	071	6300	6302	244.979.971
Cấp IV	800	070	071	6300	6303	113.225.104
Cấp IV	800	070	071	6300	6304	81.659.988
Cấp IV	800	070	071	6300	6349	40.829.996
Cấp IV	800	070	071	6400		4.329.677.099
Cấp IV	800	070	071	6400	6404	257.663.466
Cấp IV	800	070	071	6400	6449	4.072.013.633
Cấp IV	800	070	071	6500		199.646.031
Cấp IV	800	070	071	6500	6501	134.664.441
Cấp IV	800	070	071	6500	6502	53.965.590
Cấp IV	800	070	071	6500	6504	11.016.000
Cấp IV	800	070	071	6550		96.434.127
Cấp IV	800	070	071	6550	6551	24.771.960
Cấp IV	800	070	071	6550	6552	25.448.603
Cấp IV	800	070	071	6550	6599	46.213.564
Cấp IV	800	070	071	6600		12.880.000
Cấp IV	800	070	071	6600	6605	9.480.000
Cấp IV	800	070	071	6600	6606	3.400.000
Cấp IV	800	070	071	6700		31.200.000
Cấp IV	800	070	071	6700	6704	31.200.000
Cấp IV	800	070	071	6750		12.250.000
Cấp IV	800	070	071	6750	6758	6.950.000
Cấp IV	800	070	071	6750	6799	5.300.000
Cấp IV	800	070	071	6900		281.209.230
Cấp IV	800	070	071	6900	6905	2.721.600

Cấp IV	800	070	071	6900	6907	53.500.000
Cấp IV	800	070	071	6900	6912	53.505.550
Cấp IV	800	070	071	6900	6913	3.996.000
Cấp IV	800	070	071	6900	6921	20.300.000
Cấp IV	800	070	071	6900	6949	147.186.080
Cấp IV	800	070	071	6950		65.318.310
Cấp IV	800	070	071	6950	6956	21.258.310
Cấp IV	800	070	071	6950	6999	44.060.000
Cấp IV	800	070	071	7000		174.584.816
Cấp IV	800	070	071	7000	7004	18.800.000
Cấp IV	800	070	071	7000	7012	47.700.000
Cấp IV	800	070	071	7000	7049	108.084.816
Cấp IV	800	070	071	7050		43.572.000
Cấp IV	800	070	071	7050	7053	43.572.000
Cấp IV	800	070	071	7750		10.265.170.071
Cấp IV	800	070	071	7750	7756	14.965.680
Cấp IV	800	070	071	7750	7757	35.871.001
Cấp IV	800	070	071	7750	7761	2.600.640
Cấp IV	800	070	071	7750	7766	393.660.000
Cấp IV	800	070	071	7750	7799	9.818.072.750
Cấp IV	800	070	071	7950		176.664.388
Cấp IV	800	070	071	7950	7951	150.164.732
Cấp IV	800	070	071	7950	7952	5.299.931
Cấp IV	800	070	071	7950	7953	3.533.287
Cấp IV	800	070	071	7950	7954	17.666.438
Cấp IV	800	070	072			98.948.202.203
Cấp IV	800	070	072	6000		27.204.812.121
Cấp IV	800	070	072	6000	6001	27.204.812.121
Cấp IV	800	070	072	6050		2.542.747.600
Cấp IV	800	070	072	6050	6051	2.542.747.600
Cấp IV	800	070	072	6100		21.121.620.501
Cấp IV	800	070	072	6100	6101	525.090.149
Cấp IV	800	070	072	6100	6105	7.606.920.313
Cấp IV	800	070	072	6100	6112	9.668.708.476
Cấp IV	800	070	072	6100	6113	23.868.000
Cấp IV	800	070	072	6100	6115	3.297.033.563
Cấp IV	800	070	072	6150		51.600.000
Cấp IV	800	070	072	6150	6157	51.600.000
Cấp IV	800	070	072	6200		2.759.121.680
Cấp IV	800	070	072	6200	6201	2.759.121.680
Cấp IV	800	070	072	6250		520.087.600
Cấp IV	800	070	072	6250	6299	520.087.600

Cấp IV	800	070	072	6300		7.540.930.897
Cấp IV	800	070	072	6300	6301	5.744.763.754
Cấp IV	800	070	072	6300	6302	1.013.605.538
Cấp IV	800	070	072	6300	6303	275.293.376
Cấp IV	800	070	072	6300	6304	337.868.510
Cấp IV	800	070	072	6300	6349	169.399.719
Cấp IV	800	070	072	6400		26.518.580.378
Cấp IV	800	070	072	6400	6404	910.000.000
Cấp IV	800	070	072	6400	6449	25.608.580.378
Cấp IV	800	070	072	6500		1.425.569.097
Cấp IV	800	070	072	6500	6501	1.069.044.177
Cấp IV	800	070	072	6500	6502	172.215.720
Cấp IV	800	070	072	6500	6504	184.309.200
Cấp IV	800	070	072	6550		796.176.578
Cấp IV	800	070	072	6550	6551	119.070.126
Cấp IV	800	070	072	6550	6552	104.701.601
Cấp IV	800	070	072	6550	6599	572.404.851
Cấp IV	800	070	072	6600		147.205.412
Cấp IV	800	070	072	6600	6601	2.597.413
Cấp IV	800	070	072	6600	6605	55.300.399
Cấp IV	800	070	072	6600	6606	43.341.200
Cấp IV	800	070	072	6600	6608	22.685.400
Cấp IV	800	070	072	6600	6649	23.281.000
Cấp IV	800	070	072	6650		2.000.000
Cấp IV	800	070	072	6650	6699	2.000.000
Cấp IV	800	070	072	6700		79.300.000
Cấp IV	800	070	072	6700	6702	600.000
Cấp IV	800	070	072	6700	6703	700.000
Cấp IV	800	070	072	6700	6704	78.000.000
Cấp IV	800	070	072	6750		2.043.172.760
Cấp IV	800	070	072	6750	6751	106.445.000
Cấp IV	800	070	072	6750	6754	367.970.040
Cấp IV	800	070	072	6750	6757	494.256.400
Cấp IV	800	070	072	6750	6758	6.350.000
Cấp IV	800	070	072	6750	6799	1.068.151.320
Cấp IV	800	070	072	6900		911.884.151
Cấp IV	800	070	072	6900	6907	270.488.000
Cấp IV	800	070	072	6900	6912	132.511.300
Cấp IV	800	070	072	6900	6913	28.767.411
Cấp IV	800	070	072	6900	6921	121.103.700
Cấp IV	800	070	072	6900	6949	359.013.740
Cấp IV	800	070	072	6950		99.058.590



Cấp IV	800	070	072	6950	6999	99.058.590
Cấp IV	800	070	072	7000		3.255.941.103
Cấp IV	800	070	072	7000	7001	159.360.127
Cấp IV	800	070	072	7000	7004	12.480.000
Cấp IV	800	070	072	7000	7012	531.176.000
Cấp IV	800	070	072	7000	7049	2.552.924.976
Cấp IV	800	070	072	7050		92.963.120
Cấp IV	800	070	072	7050	7053	92.963.120
Cấp IV	800	070	072	7750		1.834.030.615
Cấp IV	800	070	072	7750	7756	70.418.400
Cấp IV	800	070	072	7750	7757	186.908.703
Cấp IV	800	070	072	7750	7761	12.093.048
Cấp IV	800	070	072	7750	7799	1.564.610.464
Cấp IV	800	070	072	7850		1.400.000
Cấp IV	800	070	072	7850	7852	1.400.000
Cấp IV	800	070	073			36.978.210.611
Cấp IV	800	070	073	6000		10.915.827.607
Cấp IV	800	070	073	6000	6001	10.915.827.607
Cấp IV	800	070	073	6050		321.052.000
Cấp IV	800	070	073	6050	6051	321.052.000
Cấp IV	800	070	073	6100		11.176.672.484
Cấp IV	800	070	073	6100	6101	97.318.260
Cấp IV	800	070	073	6100	6105	6.201.739.604
Cấp IV	800	070	073	6100	6112	3.489.277.243
Cấp IV	800	070	073	6100	6113	37.962.000
Cấp IV	800	070	073	6100	6115	1.350.375.377
Cấp IV	800	070	073	6150		28.200.000
Cấp IV	800	070	073	6150	6157	28.200.000
Cấp IV	800	070	073	6200		1.191.667.114
Cấp IV	800	070	073	6200	6201	1.191.667.114
Cấp IV	800	070	073	6300		3.214.832.797
Cấp IV	800	070	073	6300	6301	2.340.304.831
Cấp IV	800	070	073	6300	6302	412.994.970
Cấp IV	800	070	073	6300	6303	255.035.514
Cấp IV	800	070	073	6300	6304	137.664.987
Cấp IV	800	070	073	6300	6349	68.832.495
Cấp IV	800	070	073	6400		6.327.576.447
Cấp IV	800	070	073	6400	6449	6.327.576.447
Cấp IV	800	070	073	6500		0
Cấp IV	800	070	073	6500	6501	0
Cấp IV	800	070	073	6500	6502	0
Cấp IV	800	070	073	6550		97.548.000

Cấp IV	800	070	073	6550	6551	0
Cấp IV	800	070	073	6550	6552	95.448.000
Cấp IV	800	070	073	6550	6599	2.100.000
Cấp IV	800	070	073	6600		26.150.902
Cấp IV	800	070	073	6600	6601	896.902
Cấp IV	800	070	073	6600	6605	1.254.000
Cấp IV	800	070	073	6600	6608	24.000.000
Cấp IV	800	070	073	6700		18.000.000
Cấp IV	800	070	073	6700	6704	18.000.000
Cấp IV	800	070	073	6750		142.032.600
Cấp IV	800	070	073	6750	6751	34.408.000
Cấp IV	800	070	073	6750	6757	36.009.600
Cấp IV	800	070	073	6750	6799	71.615.000
Cấp IV	800	070	073	6900		171.335.000
Cấp IV	800	070	073	6900	6907	0
Cấp IV	800	070	073	6900	6912	72.235.000
Cấp IV	800	070	073	6900	6949	99.100.000
Cấp IV	800	070	073	7000		1.141.965.660
Cấp IV	800	070	073	7000	7004	6.240.000
Cấp IV	800	070	073	7000	7012	253.456.000
Cấp IV	800	070	073	7000	7049	882.269.660
Cấp IV	800	070	073	7750		2.205.350.000
Cấp IV	800	070	073	7750	7766	1.853.350.000
Cấp IV	800	070	073	7750	7799	352.000.000
Cấp IV	800	070	075			1.033.598.000
Cấp IV	800	070	075	7750		1.033.598.000
Cấp IV	800	070	075	7750	7766	1.033.598.000
Cấp IV	800	100				230.170.000
Cấp IV	800	100	105			230.170.000
Cấp IV	800	100	105	6550		40.483.200
Cấp IV	800	100	105	6550	6552	40.483.200
Cấp IV	800	100	105	6950		189.686.800
Cấp IV	800	100	105	6950	6956	189.686.800
Cấp IV	800	130				5.051.639.550
Cấp IV	800	130	133			5.051.639.550
Cấp IV	800	130	133	6300		3.685.500
Cấp IV	800	130	133	6300	6302	3.685.500
Cấp IV	800	130	133	6600		7.500.000
Cấp IV	800	130	133	6600	6606	7.500.000
Cấp IV	800	130	133	6650		24.000.000
Cấp IV	800	130	133	6650	6651	7.500.000
Cấp IV	800	130	133	6650	6699	16.500.000

Cấp IV	800	130	133	7000		235.620.000
Cấp IV	800	130	133	7000	7049	235.620.000
Cấp IV	800	130	133	7150		215.549.100
Cấp IV	800	130	133	7150	7155	215.549.100
Cấp IV	800	130	133	7250		206.949.600
Cấp IV	800	130	133	7250	7251	206.949.600
Cấp IV	800	130	133	7450		4.358.335.350
Cấp IV	800	130	133	7450	7451	4.358.335.350
Cấp IV	800	160				1.909.362.662
Cấp IV	800	160	161			1.909.362.662
Cấp IV	800	160	161	6000		295.641.633
Cấp IV	800	160	161	6000	6001	295.641.633
Cấp IV	800	160	161	6100		82.337.931
Cấp IV	800	160	161	6100	6101	1.270.620
Cấp IV	800	160	161	6100	6113	234.000
Cấp IV	800	160	161	6100	6124	80.833.311
Cấp IV	800	160	161	6200		100.652.000
Cấp IV	800	160	161	6200	6201	100.652.000
Cấp IV	800	160	161	6250		2.100.000
Cấp IV	800	160	161	6250	6299	2.100.000
Cấp IV	800	160	161	6300		41.140.709
Cấp IV	800	160	161	6300	6301	33.131.170
Cấp IV	800	160	161	6300	6302	5.846.678
Cấp IV	800	160	161	6300	6303	2.162.861
Cấp IV	800	160	161	6350		6.575.400
Cấp IV	800	160	161	6350	6353	6.575.400
Cấp IV	800	160	161	6500		54.840.289
Cấp IV	800	160	161	6500	6501	15.302.055
Cấp IV	800	160	161	6500	6503	15.047.963
Cấp IV	800	160	161	6500	6504	24.490.271
Cấp IV	800	160	161	6550		2.805.000
Cấp IV	800	160	161	6550	6599	2.805.000
Cấp IV	800	160	161	6600		131.367.600
Cấp IV	800	160	161	6600	6606	126.072.600
Cấp IV	800	160	161	6600	6649	5.295.000
Cấp IV	800	160	161	6650		2.920.000
Cấp IV	800	160	161	6650	6652	1.600.000
Cấp IV	800	160	161	6650	6699	1.320.000
Cấp IV	800	160	161	6750		386.421.400
Cấp IV	800	160	161	6750	6751	27.900.000
Cấp IV	800	160	161	6750	6757	177.021.400
Cấp IV	800	160	161	6750	6799	181.500.000

Cấp IV	800	160	161	6900		15.508.000
Cấp IV	800	160	161	6900	6907	5.508.000
Cấp IV	800	160	161	6900	6949	10.000.000
Cấp IV	800	160	161	7000		709.655.900
Cấp IV	800	160	161	7000	7049	709.655.900
Cấp IV	800	160	161	7850		77.396.800
Cấp IV	800	160	161	7850	7852	77.396.800
Cấp IV	800	190				193.651.543
Cấp IV	800	190	191			193.651.543
Cấp IV	800	190	191	6300		3.954.600
Cấp IV	800	190	191	6300	6301	3.088.800
Cấp IV	800	190	191	6300	6302	631.800
Cấp IV	800	190	191	6300	6303	234.000
Cấp IV	800	190	191	6350		72.891.000
Cấp IV	800	190	191	6350	6353	32.877.000
Cấp IV	800	190	191	6350	6399	40.014.000
Cấp IV	800	190	191	6500		278.943
Cấp IV	800	190	191	6500	6501	278.943
Cấp IV	800	190	191	6550		19.100.000
Cấp IV	800	190	191	6550	6552	19.100.000
Cấp IV	800	190	191	6900		94.909.000
Cấp IV	800	190	191	6900	6905	45.349.000
Cấp IV	800	190	191	6900	6949	49.560.000
Cấp IV	800	190	191	7000		2.518.000
Cấp IV	800	190	191	7000	7012	1.521.000
Cấp IV	800	190	191	7000	7049	997.000
Cấp IV	800	220				459.453.900
Cấp IV	800	220	221			459.453.900
Cấp IV	800	220	221	6200		390.000
Cấp IV	800	220	221	6200	6201	390.000
Cấp IV	800	220	221	6750		22.750.000
Cấp IV	800	220	221	6750	6751	9.000.000
Cấp IV	800	220	221	6750	6799	13.750.000
Cấp IV	800	220	221	7000		436.313.900
Cấp IV	800	220	221	7000	7049	436.313.900
Cấp IV	800	250				1.058.732.735
Cấp IV	800	250	278			1.058.732.735
Cấp IV	800	250	278	6500		192.158.679
Cấp IV	800	250	278	6500	6503	4.510.039
Cấp IV	800	250	278	6500	6504	187.648.640
Cấp IV	800	250	278	6600		92.308.000
Cấp IV	800	250	278	6600	6606	92.308.000



Cấp IV	800	250	278	6750		61.880.000
Cấp IV	800	250	278	6750	6799	61.880.000
Cấp IV	800	250	278	6900		95.990.400
Cấp IV	800	250	278	6900	6922	95.990.400
Cấp IV	800	250	278	7000		616.395.656
Cấp IV	800	250	278	7000	7001	3.675.000
Cấp IV	800	250	278	7000	7049	612.720.656
Cấp IV	800	280				6.060.066.104
Cấp IV	800	280	292			1.234.099.800
Cấp IV	800	280	292	9200		38.975.000
Cấp IV	800	280	292	9200	9201	38.975.000
Cấp IV	800	280	292	9300		1.103.584.800
Cấp IV	800	280	292	9300	9301	1.103.584.800
Cấp IV	800	280	292	9400		91.540.000
Cấp IV	800	280	292	9400	9401	18.047.000
Cấp IV	800	280	292	9400	9402	73.493.000
Cấp IV	800	280	312			1.584.598.448
Cấp IV	800	280	312	6500		734.120.336
Cấp IV	800	280	312	6500	6501	734.120.336
Cấp IV	800	280	312	6900		627.207.131
Cấp IV	800	280	312	6900	6921	482.616.203
Cấp IV	800	280	312	6900	6922	144.590.928
Cấp IV	800	280	312	9250		223.270.981
Cấp IV	800	280	312	9250	9251	217.780.000
Cấp IV	800	280	312	9250	9253	5.490.981
Cấp IV	800	280	338			3.241.367.856
Cấp IV	800	280	338	6000		507.488.271
Cấp IV	800	280	338	6000	6001	507.488.271
Cấp IV	800	280	338	6100		164.702.332
Cấp IV	800	280	338	6100	6101	2.763.540
Cấp IV	800	280	338	6100	6105	66.466.792
Cấp IV	800	280	338	6100	6113	2.340.000
Cấp IV	800	280	338	6100	6115	5.475.600
Cấp IV	800	280	338	6100	6124	87.656.400
Cấp IV	800	280	338	6200		90.999.975
Cấp IV	800	280	338	6200	6201	90.999.975
Cấp IV	800	280	338	6250		21.800.000
Cấp IV	800	280	338	6250	6299	21.800.000
Cấp IV	800	280	338	6300		116.367.650
Cấp IV	800	280	338	6300	6301	94.181.378
Cấp IV	800	280	338	6300	6302	16.919.958
Cấp IV	800	280	338	6300	6304	2.517.022

Cấp IV	800	280	338	6300	6349	2.749.292
Cấp IV	800	280	338	6350		40.353.300
Cấp IV	800	280	338	6350	6353	14.706.900
Cấp IV	800	280	338	6350	6399	25.646.400
Cấp IV	800	280	338	6400		1.362.946.576
Cấp IV	800	280	338	6400	6404	293.671.976
Cấp IV	800	280	338	6400	6449	1.069.274.600
Cấp IV	800	280	338	6500		24.218.702
Cấp IV	800	280	338	6500	6501	24.218.702
Cấp IV	800	280	338	6550		128.406.403
Cấp IV	800	280	338	6550	6551	28.317.763
Cấp IV	800	280	338	6550	6552	59.145.200
Cấp IV	800	280	338	6550	6553	19.000.000
Cấp IV	800	280	338	6550	6599	21.943.440
Cấp IV	800	280	338	6600		2.788.306
Cấp IV	800	280	338	6600	6603	1.168.306
Cấp IV	800	280	338	6600	6649	1.620.000
Cấp IV	800	280	338	6700		5.000.000
Cấp IV	800	280	338	6700	6704	5.000.000
Cấp IV	800	280	338	6750		54.983.301
Cấp IV	800	280	338	6750	6754	5.758.301
Cấp IV	800	280	338	6750	6757	49.225.000
Cấp IV	800	280	338	6900		379.780.000
Cấp IV	800	280	338	6900	6907	379.780.000
Cấp IV	800	280	338	6950		205.517.440
Cấp IV	800	280	338	6950	6956	173.124.000
Cấp IV	800	280	338	6950	6999	32.393.440
Cấp IV	800	280	338	7000		128.901.400
Cấp IV	800	280	338	7000	7049	128.901.400
Cấp IV	800	280	338	7050		2.095.200
Cấp IV	800	280	338	7050	7053	2.095.200
Cấp IV	800	280	338	7750		5.019.000
Cấp IV	800	280	338	7750	7761	5.019.000
Cấp IV	800	340				49.390.737.679
Cấp IV	800	340	341			32.470.916.257
Cấp IV	800	340	341	6000		3.590.584.965
Cấp IV	800	340	341	6000	6001	3.590.584.965
Cấp IV	800	340	341	6050		181.460.400
Cấp IV	800	340	341	6050	6051	181.460.400
Cấp IV	800	340	341	6100		2.059.430.258
Cấp IV	800	340	341	6100	6101	60.812.505
Cấp IV	800	340	341	6100	6105	475.805.342



Cấp IV	800	340	341	6100	6111	518.544.000
Cấp IV	800	340	341	6100	6113	49.752.000
Cấp IV	800	340	341	6100	6115	2.317.465
Cấp IV	800	340	341	6100	6124	768.976.946
Cấp IV	800	340	341	6100	6149	183.222.000
Cấp IV	800	340	341	6200		1.537.458.432
Cấp IV	800	340	341	6200	6201	1.478.168.432
Cấp IV	800	340	341	6200	6202	10.150.000
Cấp IV	800	340	341	6200	6249	49.140.000
Cấp IV	800	340	341	6250		299.918.880
Cấp IV	800	340	341	6250	6299	299.918.880
Cấp IV	800	340	341	6300		1.215.381.438
Cấp IV	800	340	341	6300	6301	963.994.414
Cấp IV	800	340	341	6300	6302	204.505.640
Cấp IV	800	340	341	6300	6303	34.538.187
Cấp IV	800	340	341	6300	6304	4.089.688
Cấp IV	800	340	341	6300	6349	8.253.509
Cấp IV	800	340	341	6350		2.462.771.050
Cấp IV	800	340	341	6350	6353	1.151.272.650
Cấp IV	800	340	341	6350	6399	1.311.498.400
Cấp IV	800	340	341	6400		5.671.084.203
Cấp IV	800	340	341	6400	6404	1.729.705.333
Cấp IV	800	340	341	6400	6449	3.941.378.870
Cấp IV	800	340	341	6500		369.418.041
Cấp IV	800	340	341	6500	6501	270.197.789
Cấp IV	800	340	341	6500	6502	38.361.555
Cấp IV	800	340	341	6500	6503	60.858.697
Cấp IV	800	340	341	6550		571.058.620
Cấp IV	800	340	341	6550	6551	249.405.070
Cấp IV	800	340	341	6550	6552	205.838.545
Cấp IV	800	340	341	6550	6599	115.815.005
Cấp IV	800	340	341	6600		241.402.722
Cấp IV	800	340	341	6600	6601	5.371.686
Cấp IV	800	340	341	6600	6603	1.390.791
Cấp IV	800	340	341	6600	6605	24.571.085
Cấp IV	800	340	341	6600	6606	103.663.000
Cấp IV	800	340	341	6600	6608	77.513.000
Cấp IV	800	340	341	6600	6618	1.800.000
Cấp IV	800	340	341	6600	6649	27.093.160
Cấp IV	800	340	341	6650		400.299.087
Cấp IV	800	340	341	6650	6651	3.900.007
Cấp IV	800	340	341	6650	6652	13.000.000

Cấp IV	800	430	433			1.615.960.000
Cấp IV	800	430	433	7700		1.615.960.000
Cấp IV	800	430	433	7700	7749	1.615.960.000
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Cấp IV	800	340	362	6300		8.143.200
Cấp IV	800	340	362	6300	6301	6.177.600
Cấp IV	800	340	362	6300	6302	1.263.600
Cấp IV	800	340	362	6300	6303	702.000
Cấp IV	800	340	362	6350		149.490.900
Cấp IV	800	340	362	6350	6353	81.572.400
Cấp IV	800	340	362	6350	6399	67.918.500
Cấp IV	800	340	362	6650		11.890.000
Cấp IV	800	340	362	6650	6699	11.890.000
Cấp IV	800	340	362	6750		2.000.000
Cấp IV	800	340	362	6750	6751	2.000.000
Cấp IV	800	340	362	7000		234.995.000
Cấp IV	800	340	362	7000	7049	234.995.000
Cấp IV	800	370				8.534.895.428
Cấp IV	800	370	371			795.895.550
Cấp IV	800	370	371	7150		795.895.550
Cấp IV	800	370	371	7150	7151	251.787.000
Cấp IV	800	370	371	7150	7155	66.950.550
Cấp IV	800	370	371	7150	7157	1.996.000
Cấp IV	800	370	371	7150	7162	392.600.000
Cấp IV	800	370	371	7150	7199	82.562.000
Cấp IV	800	370	372			35.100.000
Cấp IV	800	370	372	7000		5.850.000
Cấp IV	800	370	372	7000	7049	5.850.000
Cấp IV	800	370	372	7450		29.250.000
Cấp IV	800	370	372	7450	7499	29.250.000
Cấp IV	800	370	398			7.703.899.878
Cấp IV	800	370	398	7000		9.594.000
Cấp IV	800	370	398	7000	7049	9.594.000
Cấp IV	800	370	398	7150		1.000.000
Cấp IV	800	370	398	7150	7199	1.000.000
Cấp IV	800	370	398	7450		7.693.305.878
Cấp IV	800	370	398	7450	7455	2.931.925.000
Cấp IV	800	370	398	7450	7499	4.761.380.878
Cấp IV	800	400				229.299.802
Cấp IV	800	400	428			229.299.802
Cấp IV	800	400	428	7000		157.841.742
Cấp IV	800	400	428	7000	7001	14.320.800
Cấp IV	800	400	428	7000	7049	143.520.942
Cấp IV	800	400	428	7750		71.458.060
Cấp IV	800	400	428	7750	7799	71.458.060
Cấp IV	800	430				1.615.960.000

Cấp IV	800	340	361	6300	6349	2.029.950
Cấp IV	800	340	361	6350		724.382.100
Cấp IV	800	340	361	6350	6353	362.559.600
Cấp IV	800	340	361	6350	6399	361.822.500
Cấp IV	800	340	361	6400		1.000.942.340
Cấp IV	800	340	361	6400	6404	320.000.000
Cấp IV	800	340	361	6400	6449	680.942.340
Cấp IV	800	340	361	6500		10.469.768
Cấp IV	800	340	361	6500	6501	10.469.768
Cấp IV	800	340	361	6550		17.226.352
Cấp IV	800	340	361	6550	6551	10.676.152
Cấp IV	800	340	361	6550	6599	6.550.200
Cấp IV	800	340	361	6600		32.358.600
Cấp IV	800	340	361	6600	6606	27.673.600
Cấp IV	800	340	361	6600	6649	4.685.000
Cấp IV	800	340	361	6650		416.522.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6651	1.000.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6652	2.400.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6657	7.860.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6658	13.000.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6699	392.262.000
Cấp IV	800	340	361	6700		1.150.000
Cấp IV	800	340	361	6700	6702	600.000
Cấp IV	800	340	361	6700	6703	550.000
Cấp IV	800	340	361	6750		30.634.938
Cấp IV	800	340	361	6750	6751	11.000.000
Cấp IV	800	340	361	6750	6754	5.034.938
Cấp IV	800	340	361	6750	6799	14.600.000
Cấp IV	800	340	361	6900		56.404.000
Cấp IV	800	340	361	6900	6907	49.600.000
Cấp IV	800	340	361	6900	6912	6.804.000
Cấp IV	800	340	361	6950		26.000.000
Cấp IV	800	340	361	6950	6999	26.000.000
Cấp IV	800	340	361	7000		979.252.249
Cấp IV	800	340	361	7000	7004	5.100.000
Cấp IV	800	340	361	7000	7049	974.152.249
Cấp IV	800	340	361	7050		14.000.000
Cấp IV	800	340	361	7050	7053	14.000.000
Cấp IV	800	340	361	8000		2.270.443.500
Cấp IV	800	340	361	8000	8006	2.239.853.850
Cấp IV	800	340	361	8000	8049	30.589.650
Cấp IV	800	340	362			406.519.100

Cấp IV	800	340	351	6700	6704	7.500.000
Cấp IV	800	340	351	6750		9.784.132
Cấp IV	800	340	351	6750	6754	9.784.132
Cấp IV	800	340	351	6900		521.054.024
Cấp IV	800	340	351	6900	6907	495.971.000
Cấp IV	800	340	351	6900	6912	13.189.025
Cấp IV	800	340	351	6900	6913	4.743.999
Cấp IV	800	340	351	6900	6949	7.150.000
Cấp IV	800	340	351	6950		99.874.000
Cấp IV	800	340	351	6950	6956	99.874.000
Cấp IV	800	340	351	7000		282.650.310
Cấp IV	800	340	351	7000	7001	0
Cấp IV	800	340	351	7000	7049	282.650.310
Cấp IV	800	340	351	7750		187.614.000
Cấp IV	800	340	351	7750	7799	187.614.000
Cấp IV	800	340	351	7850		2.226.624.823
Cấp IV	800	340	351	7850	7851	3.019.200
Cấp IV	800	340	351	7850	7852	1.232.791.971
Cấp IV	800	340	351	7850	7853	138.294.000
Cấp IV	800	340	351	7850	7854	741.724.052
Cấp IV	800	340	351	7850	7899	110.795.600
Cấp IV	800	340	351	7900		8.160.000
Cấp IV	800	340	351	7900	7903	8.160.000
Cấp IV	800	340	351	8000		1.181.005.313
Cấp IV	800	340	351	8000	8006	1.181.005.313
Cấp IV	800	340	361			6.882.457.036
Cấp IV	800	340	361	6000		685.974.861
Cấp IV	800	340	361	6000	6001	685.974.861
Cấp IV	800	340	361	6100		293.603.582
Cấp IV	800	340	361	6100	6101	41.109.392
Cấp IV	800	340	361	6100	6123	52.032.240
Cấp IV	800	340	361	6100	6124	179.401.950
Cấp IV	800	340	361	6100	6149	21.060.000
Cấp IV	800	340	361	6200		89.253.400
Cấp IV	800	340	361	6200	6201	89.253.400
Cấp IV	800	340	361	6250		2.300.000
Cấp IV	800	340	361	6250	6299	2.300.000
Cấp IV	800	340	361	6300		231.539.346
Cấp IV	800	340	361	6300	6301	192.610.899
Cấp IV	800	340	361	6300	6302	28.999.593
Cấp IV	800	340	361	6300	6303	7.535.268
Cấp IV	800	340	361	6300	6304	363.636



Cấp IV	800	340	351	6100		659.248.789
Cấp IV	800	340	351	6100	6101	51.776.501
Cấp IV	800	340	351	6100	6105	166.225.028
Cấp IV	800	340	351	6100	6113	1.404.000
Cấp IV	800	340	351	6100	6115	3.592.380
Cấp IV	800	340	351	6100	6123	98.918.820
Cấp IV	800	340	351	6100	6124	295.212.060
Cấp IV	800	340	351	6100	6149	42.120.000
Cấp IV	800	340	351	6200		182.999.953
Cấp IV	800	340	351	6200	6201	182.999.953
Cấp IV	800	340	351	6250		24.870.000
Cấp IV	800	340	351	6250	6299	24.870.000
Cấp IV	800	340	351	6300		393.986.764
Cấp IV	800	340	351	6300	6301	332.061.472
Cấp IV	800	340	351	6300	6302	53.547.068
Cấp IV	800	340	351	6300	6303	4.188.600
Cấp IV	800	340	351	6300	6349	4.189.624
Cấp IV	800	340	351	6350		587.269.800
Cấp IV	800	340	351	6350	6353	447.922.800
Cấp IV	800	340	351	6350	6399	139.347.000
Cấp IV	800	340	351	6400		1.978.646.900
Cấp IV	800	340	351	6400	6404	370.985.000
Cấp IV	800	340	351	6400	6449	1.607.661.900
Cấp IV	800	340	351	6500		15.911.678
Cấp IV	800	340	351	6500	6501	15.737.108
Cấp IV	800	340	351	6500	6502	174.570
Cấp IV	800	340	351	6550		76.628.193
Cấp IV	800	340	351	6550	6551	43.101.449
Cấp IV	800	340	351	6550	6552	2.200.000
Cấp IV	800	340	351	6550	6599	31.326.744
Cấp IV	800	340	351	6600		3.263.176
Cấp IV	800	340	351	6600	6601	395.075
Cấp IV	800	340	351	6600	6603	772.901
Cấp IV	800	340	351	6600	6649	2.095.200
Cấp IV	800	340	351	6650		132.296.000
Cấp IV	800	340	351	6650	6651	0
Cấp IV	800	340	351	6650	6652	10.000.000
Cấp IV	800	340	351	6650	6655	10.800.000
Cấp IV	800	340	351	6650	6699	111.496.000
Cấp IV	800	340	351	6700		25.400.000
Cấp IV	800	340	351	6700	6702	8.300.000
Cấp IV	800	340	351	6700	6703	9.600.000

Cấp IV	800	340	341	6650	6658	48.600.000
Cấp IV	800	340	341	6650	6699	334.799.080
Cấp IV	800	340	341	6700		42.816.800
Cấp IV	800	340	341	6700	6701	14.266.800
Cấp IV	800	340	341	6700	6702	3.400.000
Cấp IV	800	340	341	6700	6703	4.050.000
Cấp IV	800	340	341	6700	6704	15.500.000
Cấp IV	800	340	341	6700	6749	5.600.000
Cấp IV	800	340	341	6750		416.068.538
Cấp IV	800	340	341	6750	6754	44.962.962
Cấp IV	800	340	341	6750	6757	185.913.120
Cấp IV	800	340	341	6750	6758	91.700.000
Cấp IV	800	340	341	6750	6799	93.492.456
Cấp IV	800	340	341	6900		1.209.281.480
Cấp IV	800	340	341	6900	6907	765.868.000
Cấp IV	800	340	341	6900	6912	121.169.160
Cấp IV	800	340	341	6900	6913	1.870.000
Cấp IV	800	340	341	6900	6921	235.374.320
Cấp IV	800	340	341	6900	6949	85.000.000
Cấp IV	800	340	341	6950		921.203.600
Cấp IV	800	340	341	6950	6956	520.113.600
Cấp IV	800	340	341	6950	6999	401.090.000
Cấp IV	800	340	341	7000		4.019.465.193
Cấp IV	800	340	341	7000	7001	28.025.000
Cấp IV	800	340	341	7000	7004	25.000.000
Cấp IV	800	340	341	7000	7049	3.966.440.193
Cấp IV	800	340	341	7050		21.350.000
Cấp IV	800	340	341	7050	7053	21.350.000
Cấp IV	800	340	341	7750		1.514.715.300
Cấp IV	800	340	341	7750	7756	0
Cấp IV	800	340	341	7750	7761	5.167.800
Cấp IV	800	340	341	7750	7799	1.509.547.500
Cấp IV	800	340	341	7850		14.975.000
Cấp IV	800	340	341	7850	7852	14.975.000
Cấp IV	800	340	341	8000		5.595.857.250
Cấp IV	800	340	341	8000	8006	4.587.672.375
Cấp IV	800	340	341	8000	8049	1.008.184.875
Cấp IV	800	340	341	9400		114.915.000
Cấp IV	800	340	341	9400	9402	114.915.000
Cấp IV	800	340	351			9.630.845.286
Cấp IV	800	340	351	6000		1.033.557.431
Cấp IV	800	340	351	6000	6001	1.033.557.431

